

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023

Trường Đại học Y khoa Vinh thông báo tuyển sinh Sau đại học năm 2023 như sau:

1. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH, CHỈ TIÊU, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, HỌC PHÍ

1.1. Đào tạo trình độ thạc sĩ (Khóa 3)

- Ngành tuyển sinh : Y tế công cộng
- Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến : 20 chỉ tiêu
- Hình thức đào tạo : Tập trung 02 năm
- Địa điểm đào tạo : Tại Trường Đại học Y khoa Vinh

1.2. Đào tạo trình độ chuyên khoa cấp I (Khóa 7)

- Chuyên ngành tuyển sinh : Nội khoa
- Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến : 30 chỉ tiêu
- Hình thức đào tạo : Tập trung 02 năm
- Địa điểm đào tạo : Tại Trường Đại học Y khoa Vinh

1.3. Học phí

Tạm thu theo Thông báo số 241/TB-ĐHYKV ngày 01/03/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHYKV về việc điều chỉnh mức thu học phí năm học 2022-2023. Mức tạm thu 2.145.000 đồng/tháng/học viên (*Sẽ điều chỉnh mức thu khi có văn bản mới thay thế Thông báo số 241/TB-ĐHYKV ngày 01/03/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHYKV*).

2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển phải có đủ sức khỏe để học tập theo quy định và hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Các điều kiện khác theo nhóm trình độ như sau:

2.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ

2.1.1. Điều kiện về văn bằng

Người dự tuyển phải có một trong các điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển (Ngành đúng, ngành phù hợp gồm: Cử nhân Y tế công cộng, Bác sĩ Y học dự phòng);

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần với ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành gần gồm: Y khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Răng hàm mặt, Dược sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Dinh dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật phục hình răng, Tổ chức và quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Y sinh học thể dục thể thao).

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) khác với ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành khác gồm: Sinh học, Môi trường, Dân số, Kinh tế, Hóa học, Xã hội học, Nhân học).

2.1.2. Điều kiện thâm niên công tác (tính đến ngày nộp hồ sơ)

- Những người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Y tế công cộng được dự thi ngay.

- Những người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Y tế công cộng phải có ít nhất 01 năm công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe.

- Những người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Y tế công cộng phải có ít nhất 02 (hai) năm công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe.

2.1.3. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ứng viên đáp ứng yêu cầu này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Phụ lục của Thông báo này.

2.2. Dự tuyển trình độ chuyên khoa cấp I

2.2.1. Điều kiện về văn bằng.

- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa). Riêng đối với những Bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành nội khoa từ trước ngày 01/01/2012 (ngày *Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực*) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh).

2.2.2. Điều kiện thâm niên công tác (tính đến ngày nộp hồ sơ)

Đối với trường hợp phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp khác với chuyên ngành dự thi, thì phải có xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành nội khoa.

2.3. Điều kiện khác

Người nước ngoài muốn học thạc sĩ, chuyên khoa cấp I ở Việt Nam phải có đủ các điều kiện quy định ở trên và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

3. HÌNH THỨC VÀ MÔN THI TUYỂN

3.1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

3.2. Môn thi:

3.2.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ: Thi 02 môn

- Môn 1: Cơ sở (Dịch tễ học)

- Môn 2: Chuyên ngành (Tổ hợp môn Sức khỏe môi trường - Tổ chức và Quản lý y tế - Sức khỏe nghề nghiệp - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm)

3.2.2. Dự tuyển trình độ chuyên khoa cấp I: Thi 02 môn

- Môn 1: Cơ sở (Sinh lý)

- Môn 2: Chuyên ngành (Nội khoa)

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

4.1. Đối tượng

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận công tác, tuyển dụng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số hiện có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên (tính đến ngày đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định là Khu vực 1;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

4.2. Chính sách ưu tiên

Người dự tuyển chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên. Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung sau khi nhà trường xét duyệt hồ sơ.

Người dự tuyển thuộc diện ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được tính điểm ưu tiên là 1 điểm.

5. HỒ SƠ TUYỂN SINH

5.1. Đơn đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;

5.2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (cơ quan, đơn vị quản lý nhân sự, xã phường đối với thí sinh tự do);

5.3. Công văn hoặc quyết định cử đi thi tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự;

5.4. Bản sao công chứng bằng điểm và bằng tốt nghiệp đại học. Trường hợp tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

5.5. Giấy xác nhận thâm niên công tác và Bản sao Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức, quyết định phân công công tác để chứng minh thâm niên công tác.

5.6. Bản sao công chứng

a) Văn bằng, bằng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với người dự tuyển trình độ thạc sĩ y tế công cộng;

b) Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển trình độ thạc sĩ y tế công cộng có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần hoặc ngành khác;

c) Chứng chỉ hành nghề đối với người dự tuyển chuyên khoa cấp I;

5.7. Giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có).

5.8. Giấy chứng nhận sức khỏe (theo Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

5.9. Ảnh 3x4 (trong vòng 6 tháng tính đến ngày dự thi) ghi rõ họ tên, ngày sinh và nơi sinh sau ảnh: 04 chiếc

5.10. Hai phong bì thư có dán tem ($\geq 4.000đ$) và ghi rõ địa chỉ người nhận, số điện thoại liên lạc.

Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký dự thi do Trường Đại học Y khoa Vinh phát hành.

- Tất cả giấy tờ được xếp theo thứ tự nêu trên. Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đã có đủ giấy tờ theo quy định.

- Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận hồ sơ sẽ không được dự thi, nếu dự thi mà bị phát hiện sẽ bị hủy kết quả thi.

6. KINH PHÍ TUYỂN SINH

- Kinh phí đăng ký dự thi : 100.000 đồng/hồ sơ
- Kinh phí dự thi : 200.000 đồng/môn thi

Kinh phí tuyển sinh phải được nộp đủ một lần cùng với hồ sơ đăng ký dự thi; Hồ sơ và lệ phí thi tuyển không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ thi.

7. THỜI GIAN PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

- Phát hành hồ sơ dự tuyển: Từ ngày 17/04/2023
- Nhận hồ sơ dự tuyển: Từ ngày 08/05/2023 đến 16h30' ngày 07/07/2023 tại phòng Đào tạo Sau đại học - Trường ĐHYK Vinh. (sáng từ 8h00' đến 11h00'; chiều từ 14h00' đến 16h30' trừ thứ 7 và chủ nhật)
- Công bố kết quả xét duyệt hồ sơ: Dự kiến ngày 13/07/2023 trên website của Trường ĐHYK Vinh (<http://vmu.edu.vn>).

8. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TRÚNG TUYỂN

8.1. Điều kiện xét tuyển: Các môn thi phải đạt 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có). Không làm tròn điểm từng môn thi.

8.2. Xét trúng tuyển

Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau, xét trúng tuyển đối với người có điểm môn chuyên ngành cao hơn.

9. THỜI GIAN THI TUYỂN

- Tập trung thí sinh dự thi: Dự kiến 08h30' ngày 15/07/2023
- Hướng dẫn ôn tập: Dự kiến từ ngày 15/07/2023 đến 13/08/2023
- Công bố danh sách phòng thi, phổ biến quy chế thi, phát thẻ dự thi: Dự kiến 08h30' ngày 19/08/2023.
- Thời gian thi dự kiến:
 - + 14h00' ngày 19/08/2023: Thi môn cơ sở
 - + 07h00' ngày 20/08/2023: Thi môn chuyên ngành

10. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI VÀ NHẬP HỌC

- Công bố kết quả thi: Dự kiến ngày 24/08/2023
- Nhận đơn phúc khảo: Dự kiến từ ngày 25/08/2023 đến 08/09/2023
- Công bố kết quả xét trúng tuyển: Dự kiến ngày 11/09/2023
- Thời gian nhập học: Dự kiến từ ngày 23/09/2023

Khi cần, xin liên hệ phòng Đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Y khoa Vinh (161-Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An), số điện thoại 0238 3524622 - 0943344416 - 0985545898. Thông tin về đào tạo Sau đại học được đăng tải trên Website <http://vmu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Các cơ sở y tế;
- Lưu VT, SDH.



Nguyễn Văn Tuấn





PHỤ LỤC

Xét miễn thi ngoại ngữ và Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
(Theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo)

1. Đối tượng được miễn thi ngoại ngữ

a) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp đã được Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

b) Có văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng đến ngày đăng ký dự thi. Chứng chỉ được cấp bởi các cơ sở đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đủ điều kiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Thông báo số 138/TB-QLCL ngày 08/02/2021 của Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Bảng tham chiếu quy đổi

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ tương đương Bậc 3
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45
		TOEFL ITP	450 - 499
		IELTS	4.0 - 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết 120 - 149
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300 – 399 Văn bằng DELF B1 Diplome de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe - Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ - 1